TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST Ngày 08-3-2024 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trọng Văn

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 570/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Đường số M, tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Võ M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Đường số M, tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Võ M sau khi tìm hiểu nhau một thời gian thì về chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 ngày 05/02/2013.

Khi về chung sống, anh chị thuê nhà ở tại xã T cho đến năm 2014, vợ chồng có nhà riêng tại Đường số M, tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

anh M thường xuyên uống rượu say xỉn về đến nhà là chửi mắng xúc phạm chị Tr, có lúc còn đánh chị. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng đã ly thân được 07 năm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị Tr nhận thấy vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, không tôn trọng và không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị Kim H, sinh năm 1997, Võ Thị Kim H1, sinh năm 1999 và Võ Huỳnh Đ, sinh năm 2002. Hiện nay các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ M đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh M không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 10/01/2024, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Võ M tại địa phương và được cung cấp: chị Nguyễn Thị Tr và anh Võ M là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian sống chung, địa phương không nghe thông tin anh chị có mâu thuẫn cãi vả gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2013, chị Tr, anh M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr, anh M đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn yêu thương, không cùng tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr cương quyết muốn ly hôn. Anh M được Tòa án mời làm việc nhưng không tham gia, không quan tâm đến việc chị Tr khởi kiện, nay chị Tr yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 21/02/2024 và ngày 08/3/2024 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Võ M sau khi tìm hiểu nhau một thời gian thì về chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 ngày 05/02/2013, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Tr cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên đi uống rượu về đến nhà là chửi mắng xúc phạm chị Tr, có lúc còn đánh chị. Hiện nay, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng đã ly thân được 07 năm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị Tr nhận thấy vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, không tôn trọng và không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh M.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Võ M đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không có mặt. Bên cạnh đó, chị Nguyễn Thị Tr cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Võ M. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Võ M bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Tr và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị Kim H, sinh năm 1997, Võ Thị Kim H1, sinh năm 1999 và Võ Huỳnh Đ, sinh năm 2002. Hiện nay các con đều đã thành niên nên chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr đối với anh Võ M. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr đối với anh Võ M về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Võ M.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị Kim H, sinh năm 1997, Võ Thị Kim H1, sinh năm 1999 và Võ Huỳnh Đ, sinh năm 2002, các con đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004058 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung